Ngày 03 tháng 04 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (HNX: PVS)

Ngành: Dịch vụ dầu khí
Ngày thành lập: 09/02/1993
Website: http://www.ptsc.com.vn

Ngày niêm yết: 20/09/2007

Tổng quan về doanh nghiệp

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Công ty Địa vật lý và Công ty Dịch vụ dầu khí). Năm 2007, chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Vốn điều lệ được tăng lên 4.467 tỷ đồng từ ngày 27/3/2013 sau khi phát hành thêm 149.898.327 cổ phiếu.

Các dịch vụ cung ứng

- Dịch vụ tàu chuyên dụng;
- Dịch vụ căn cứ cảng và dịch vụ hậu cần dầu khí;
- Dịch vụ chế tạo, xây lắp công trình dầu khí;
- Dịch vụ kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô (FSO/FPSO);
- Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt, vận chuyển các công trình dầu khí;
- Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm;
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí; đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thiết bị; DV khách sạn.

Mạng lưới thành viên

Tổng công ty hoạt động với mạng lưới thành viên rải khắp các thành phố lớn trên toàn quốc với 7 chi nhánh, 14 công ty con, 7 công ty liên doanh liên kết.

Chiến lược phát triển

Tập trung đầu tư nguồn lực phát triển vào 6 lĩnh vực cốt lõi; hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực trên nguyên tắc cùng có lợi.

Liên doanh liên kết để giảm thiểu cạnh tranh trực tiếp; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ

Mục tiêu xây dựng thương hiệu mạnh về cung cấp dịch vụ dầu khí; phấn đấu trở thành 1 trong 3 đơn vị dịch vụ dầu khí hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

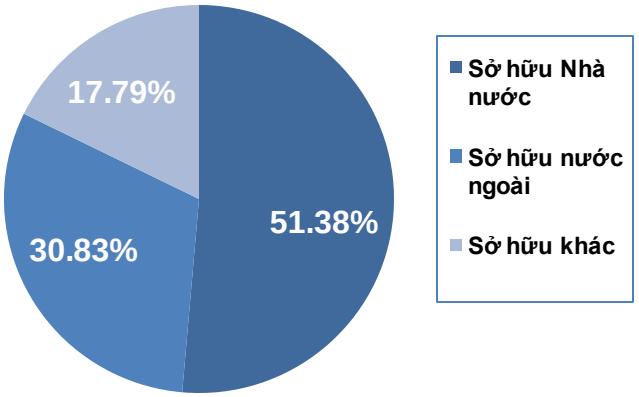
Số liệu thị trường tại ngày 03/04/2013

GT vốn hóa TT (tỷ VND)	6.299	Giá hiện tại (VND)	14,100
KLGD bình quân 30 ngày	1.242.468	Giá cao nhất 52 tuần	20,100
SLCP đang LH (triệu CP)	447	Giá thấp nhất 52 tuần	12,600
Vốn điều lệ (tỷ VND)	4.467	P/E 4 quý gần nhất (x)	3,75
EPS điều chỉnh (VND)	3.756	P/B 4 quý gần nhất (x)	0,67
Lãi cổ tức (%)	N/A	% sở hữu nước ngoài	30,83%

Đồ thị giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông PVS đến ngày 03/04/13



Nguồn: PVS

Để biết thêm thông tin chi tiết về mã cổ phiếu này, vui lòng truy cập trang web Ezsearch của chúng tôi tại địa chỉ http://ezsearch.fpts.com.vn

Phòng Phân tích đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Cao Thị Tĩnh – Tinhct@fpts.com.vn

I. VỊ THẾ VÀ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG

1. Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng

PVS chiếm hơn 90% thị phần dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí trong nước với đội tàu gồm 22 tàu sở hữu, 7 tàu thuê mua và 4 tàu thuê ngoài, với đủ các loại tàu gồm: các tàu dịch vụ như tàu kéo, thả neo, vận chuyển, tàu định vị động học, tàu trực mỏ, vận chuyển, bảo vệ… nên cung cấp được yêu cầu đa dạng của mọi đối tượng khách hàng. PVS cũng có định hướng mở rộng quy mô hoạt động bằng cách đóng thêm tàu mới và thuê ngoài, đồng thời vươn thị trường tới các khu vực Đông Nam Á và một số nước khác mà PVN đang di thăm dò và khai thác dầu khí. Hiện tại, PVS đang đóng mới 1 tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí với công suất 10.000BHP và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2014. Trong tương lai, PVS dự kiến tăng số lượng tàu sở hữu lên 24-25 tàu.

Hiệu suất thuê tàu bình quân PVS đạt khoảng 85-90%. Tính tới hết Q3'12, PVS đã thực hiện được 222 lượt thuê tàu ngắn và dài hạn, ký mới và gia hạn thêm được 143 hợp đồng với giá trị hơn 160 triệu USD và hơn 15.670 ngày thuê, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2011. Doanh thu từ mảng dịch vụ này tăng bình quân 9%/năm từ 2009-2012. Doanh thu năm 2012 đạt 4.680 tỷ, tăng nhẹ so với năm trước trong khi LNG đạt 520 tỷ, tăng 120%.

Các hợp đồng cho thuê tàu lớn PVS năm 2012

Khách thuê	Tàu thuê	Công suất (BHP)	Thời hạn	Giá trị (tỷ VND)	Ngày ký
Primier Oil	PTSC Lam Sơn		6 năm	600	25/3/11
	Tàu thuê	10.000	2 năm	1.000	2010
	Tàu thuê	8.000	7 năm		
VSP	Tàu thuê	10.800	N/A	200	11/3/2011
	Dầu khí 105	1.600	N/A		
Phú Quý POC	Bình An	N/A	N/A	250	25/5/11
	Sea Cheyenne	N/A	N/A		
Cửu Long JOC	PTSC Thăng Long	7.180	2 năm	800	17/2/12
	PTSC Vũng Tàu	7.080	2 năm		
	Lekwek Penguin	10.880	2 năm		
Thăng Long JOC	Tàu thuê	10.760	100 ngày	42,5	5/10/2012
	Tàu dịch vụ	8.080	100 ngày	36,1	
Biển Đông POC	Tàu trực mỏ	N/A	5 năm	24 triệu USD	28/4/12
	PTSC Thái Bình	8.080	5 năm	75 triệu USD	4/11/2011
	PTSC Hạ Long	12.240	5 năm		
	Tàu bảo vệ	N/A	1 năm		
	Tàu bảo vệ	N/A	1 năm		

2. Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO

PVS đang có 3 tàu chứa FSO/FPSO trên tổng số 13 tàu có tại Việt Nam. 3 tàu này là tài sản của 3 công ty liên doanh mà PVS tham gia với các đối tác nước ngoài. Năm 2012, PVS đã đầu tư 1 tàu FSO cho dự án Biển Đông và 1 tàu FPSO cho dự án Thăng Long- Đông Đô, dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2013 và chính thức hoạt động vào đầu năm 2014. Trong năm 2013-2014, PVS sẽ cung cấp tàu FSO/FPSO cho Chevron và FPSO cho mỏ Hàm Rồng, Côn Sơn. Ngoài ra, PVS còn cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa O&M cho tàu FPSO Thái Bình và các dịch vụ khác cho khách hàng Cửu Long JOC, cung cấp nhân sự kỹ thuật cho các tàu khác.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này tăng trưởng 11,3%/năm từ năm 2009-2012 và dự kiến tăng trưởng cao hơn từ năm 2014 khi dự án các tàu mới đi vào hoạt động.

3. Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình, và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV.

Hoạt động này PVS thực hiện thông qua công ty con là PTSC G&S với tàu PTSC Surveyor phục vụ công tác khảo sát, thăm dò địa chấn. Thêm vào đó, PVS đã thành lập liên doanh với CGG Veritas chuyên về cung cấp dịch vụ khỏa sát địa chất, địa chấn (PVS chiếm 51% vốn cổ phần) với hai tàu lớn gồm tàu 2D Bình Minh và tàu 3D Amadues. Mức tăng trưởng bình quân của lĩnh vực này khá cao, từ năm 2009-2012 đạt 183%/năm về doanh thu và 222% lợi nhuận gộp.

Trong 9 tháng đầu năm 2012, PVS đã thực hiện khảo sát 2D trên 7.000 km tuyến, và khảo sát 3D trên 10.000km2. Ngoài ra, PVS cũng đã thực hiện cung cấp các tàu khảo sát vật lý và cung cấp trên 20 lượt ROV phục vụ các công tác khảo sát địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm cho các nhà thầu dầu khí. Doanh thu cả năm từ dịch vụ này đạt 3.654 tỷ, tăng 67% so với năm trước, lợi nhuận gộp đạt 471 tỷ, tăng 140% so với năm trước.

4. Dịch vụ căn cứ cảng

Hiện PVS đang vận hành 6 cảng biển lớn chuyên phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam và 2 cảng đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Hệ thống các cảng này trải dài từ các khu vực trọng điểm khai thác dầu khí khắp trên cả nước.

Danh sách các cảng dịch vụ dầu khí của PVS

Tên	Tỷ lệ SH	Diện tích (ha)	Năm hoạt động	Cầu cảng (m)	Kho (m2)	Trọng tải tàu (DWT)	Tỉnh
Vũng Tàu	100%	82,2	1986	750	17.000	20.000	Bà Rịa -Vũng Tàu
Phú Mỹ	59,60%	26,5	2005	385	95.600	70.000	Bà Rịa -Vũng Tàu
Dung Quất	95,20%	4,2	2007	210	0	20.000	Quảng Ngãi
Đình Vũ	50,60%	13,9	2009	250	0	30.000	Hải Phòng
Hòn La GĐ1	94,90%	8,8	2009	100	2.160	10.000	Quảng Bình
Nghi Sơn	57,40%	9,8	2009	165 và 225	0	10.000-30.000	Thanh Hóa
Sao Mai-Bến Đình	42,10%	800	Đang xây dựng	N/A	0	N/A	Bà Rịa -Vũng Tàu
Phước An	56,80%	165,1	Đang xây dựng	3.050	0	60.000	Bà Rịa -Vũng Tàu

5. Cơ khí đóng mới và xây lắp

Hiện PVS đang có một số công trình lớn đang triển khai như:

STT	Dự án	Hạng mục	Giá trị (triệu USD)
1	Sư Tử Trắng	19.5km hệ thống đường ống nội mỏ	145
2	Công ty Dầu khí Quốc gia Hàn Quốc (KNOC)	Xây dựng giàn khoan tự nâng 90m nước	180
3	KNOC	Thiết kế, mua sắm, chế tạo và lắp đặt thử cụm máy nén khí trên giàn Rồng Đôi	46,6
4	Biển Đông 1	Chân đế & giàn khoan trung tâm Hải Thạch, Chân đế & giàn Mộc Tinh1, cầu dẫn 70km đường ống, 20km cáp ngầm	800

Hoạt động này bao gồm các hoạt động sửa chữa, đóng mới các công trình trên biển, tổng thầu EPC, EPCI các dự án trên biển và đất liền. Tốc độ tăng trưởng của hoạt động này tương đối cao, với mức bình quân 132,2%/năm doanh thu trong giai đoạn 2006-2012, nhờ các hợp đồng

lớn trên biển như: đóng giàn khai thác, khối thượng tầng, chân đế giàn khai thác, lắp ráp công trình dầu khí biển, đóng tàu và các thiết bị nổi; cũng như các hợp đồng trên đất liền như: EPC nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1… Đối thủ cạnh tranh chính của PVS trong lĩnh vực này là Liên doanh Vietsov Petro và CTCP Lắp máy và Kim loại Dầu khí.

Tiềm năng tăng trưởng: Các dự án đã ký đảm bảo doanh thu tới năm 2014. Ngoài ra, PVS có khả năng thắng nhiều hợp đồng EPC từ các nhà máy nhiệt điện Long Phú 2, Long Phú 3, Sông Hậu 2, cũng như các dự án giàn khoan khai thác, công trình dầu khí trên biển khi các dự án khai thác mới trên khu vực được đưa vào hoạt động.

6. Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình

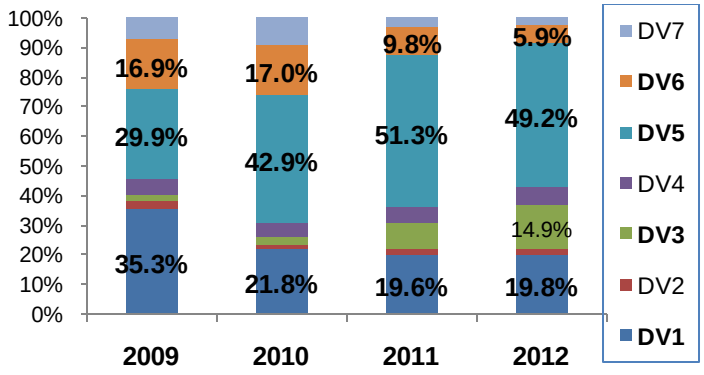
PVS chiếm lĩnh thị phần chính ở Việt Nam trong lĩnh vực này mặc dù mới bắt đầu cung ứng dịch vụ từ năm 2002. Các hoạt động chính bao gồm: vận hành giàn khai thác, giàn khoan, vận hành tàu chứa, hệ thống nội mỏ, vận chuyển các công trình nổi, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ các công trình nổi phục vụ hoạt động khoan, thăm dò, khai thác dầu khí. Từ năm cuối 2011, PVS cũng đưa vào hoạt động xà lan chứa 300 người và 1 xà lan vận tải với trọng lượng 5.000 tấn hứa hẹn tăng trưởng mới trong các năm triếp theo. Mức tăng trưởng bình quân của lĩnh vực này đạt 338%/năm doanh thu từ 2005-2011. Tuy nhiên, doanh thu năm 2012 chỉ đạt 1.450 tỷ, thấp nhất trong 5 năm qua nhưng BLNG của hoạt động này ngày càng tăng, đạt 15% so với mức 10% năm 2011.

Các dự án lớn mà PVS đang cung cấp như: Lắp đặt FPSO – Tê giác Trắng cho VSP, dự án Air cooler cho KNOC (46 triệu USD), dự án HUC TGT cho Hoàng Long, Hoàn Vũ; dự án Lan Đỏ cho BP, dự án Ruby A Flowline cho PCVL, bảo dưỡng nhà máy lọc dầu Dung Quất, cung cấp nhân sự ngắn hạn cho các nhà thầu dầu khí.

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ký hiệu tên dịch vụ	
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	DV1
Cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	DV2
Khảo sát, sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	DV3
Dịch vụ căn cứ cảng	DV4
Cơ khí đóng mới và xây lắp	DV5
O&M	DV6
Khác	DV7

Cơ cấu doanh thu PVS

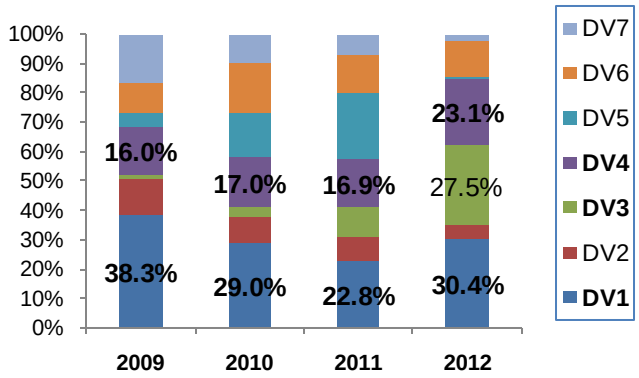


Sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu PVS làm giảm biên lợi nhuận gộp (BLNG) năm 2012

Doanh thu PVS chủ yếu đến từ hoạt động cơ khí, xây lắp với biên lợi nhuận gộp (BLNG) thấp nhất ngành (bình quân khoảng 2-3%) trong khi các dịch vụ khác đều có BLNG trên 10%. Trong 4 năm gần đây, doanh thu từ loại hình dịch vụ này đóng góp tỷ trọng doanh thu tăng mạnh, duy trì ở mức khoảng 50%, do vậy biến động BLNG của hoạt động này sẽ tác động không nhỏ tới BLNG của toàn doanh nghiệp. Cụ thể, BLNG của dịch vụ cơ khí, xây lắp sụt giảm từ 3,52% xuống còn 0,02% năm 2012 khiến BLNG của PVS giảm xuống còn 6,96% từ mức 8,07% năm trước đó. Sự sụt giảm BLNG chung này cũng một phần do mức tăng trưởng thấp doanh thu từ các dịch vụ kỹ thuật dầu khí và sụt giảm nhẹ của dịch vụ O&M (BLNG của 2 DV này tương ứng khoảng 11% và 15%) khiến tỷ trọng của hai lĩnh vực này có xu hướng giảm trong các năm gần đây.

Các hoạt động có BLNG cao hoặc có mức tăng trưởng cao chiếm phần lớn tỷ trọng LN của

Cơ cấu lợi nhuận gộp PVS



Nguồn: PVS

PVS.

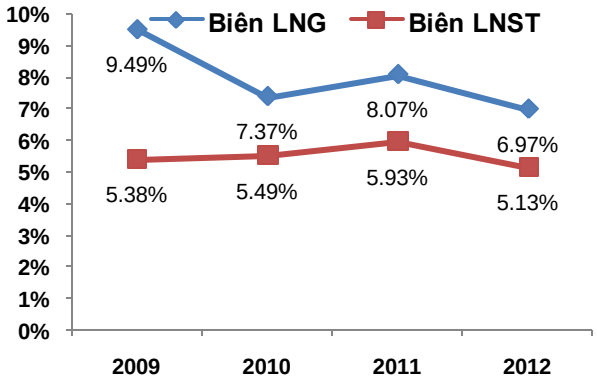
Dịch vụ khảo sát công trình ngầm tăng trưởng bình quân trên 180%/năm doanh thu và trên 220% về LNG đã thành 1 trong2 hoạt động đóng góp cao nhất vào tổng lợi nhuận (27,5%). Đứng đầu lợi nhuận cao nhất thuộc về lĩnh vực truyền thống là dịch vụ tàu kỹ thuật do mức tăng trưởng ổn định cả về doanh thu và lợi nhuận. Dịch vụ căn cứ cảng có mức doanh thu ổn định và BLNG cao nhất ngành (khoảng 27%) nên đã đóng góp 23% LNG của PVS mặc dù có tỷ trọng doanh thu tương đối thấp.

Doanh thu và lợi nhuận có mức tăng trưởng tương đối ổn định

Trong giai đoạn từ năm 2009-2012, PVS có mức tăng trưởng bình quân 32%/năm doanh thu và 30% LNST. Trong năm 2012, tổng doanh thu thuần PVS đạt gần 2.550 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước, tuy nhiên LNST giảm 12,5% khi biên LNST giảm từ 5,93% xuống còn 5,13%. Có hai nguyên nhân chính dẫn tới sự suy giảm lợi nhuận của PVS là: Các khoản lợi nhuận khác giảm mạnh và BLNG của PVS cũng suy giảm.

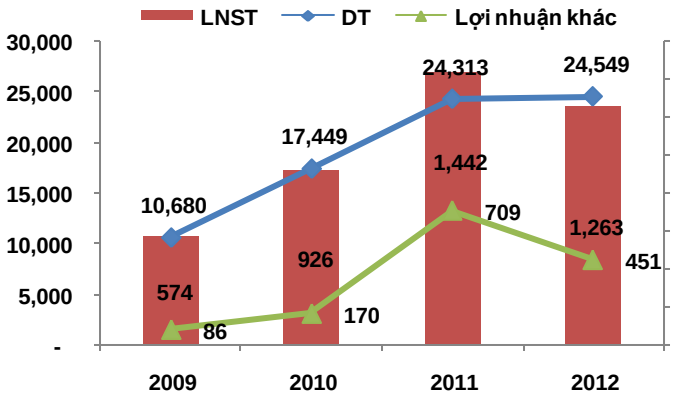
- ✓ Khoản doanh thu khác năm 2011 của PVS chủ yếu đến từ hoạt động thanh lý, bán lại tài sản cố định (gần 4 nghìn tỷ đồng năm 2011 so với 3,5 tỷ năm 2012) và mang lại lợi nhuận gần 710 tỷ đồng, hơn gấp rưỡi lợi nhuận năm 2012. Tuy nhiên, đây không phải là hoạt động kinh doanh chính, thường xuyên nên sẽ không ảnh hưởng tới mức tăng trưởng hoạt động kinh doanh chính của PVS.
- ✓ BNLG giảm mạnh từ 8,07% năm 2011 xuống còn 6,97% năm. Nguyên nhân chính là BLNG từ hoạt động cơ khí, xây lắp (chiếm 50% tỷ trọng doanh thu) giảm mạnh từ 3,52% xuống còn 0,02%. Trong năm 2012, CTCP dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi – công ty con cung cấp dịch vụ này – trích lập dự phòng cho các khoản phải thu từ khách hàng trong hợp đồng xây lắp đã ghi nhận doanh thu nhưng không thu hồi được tiền (giá trị ghi nhận và dự phòng là 285 tỷ đồng). Nếu không tính tới khoản trích lập này LNST của PVS năm 2012 vẫn duy trì tăng trưởng so với năm trước.

Tác động của BLNG tới BLNST của PVS



Nguồn: PVS

Chỉ tiêu doanh thu và LN của PVS qua các năm (tỷ VND)



Nguồn: PVS

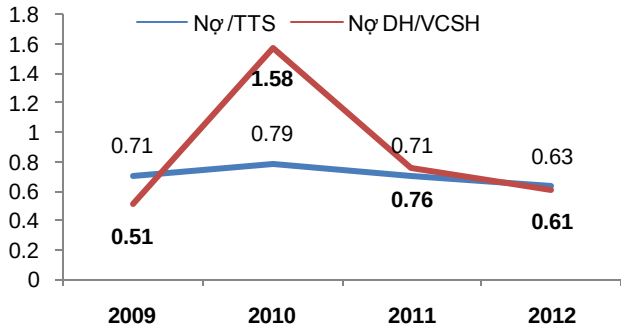
III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Cơ cấu giá trị tài sản PVS tại 31/12/2012

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ)	% TTS
TS Ngắn hạn	**12.036**	**56,7%**
Tiền và tương đương tiền	5.710	26,9%
Các khoản phải thu NH	5.461	25,7%
TS Dài hạn	**9.186**	**43,3%**
Tài sản cố định	6.247	29,4%
Các khoản đầu tư TC dài hạn	2.384	11,2%
Tổng TS	**21.223**	**100%**

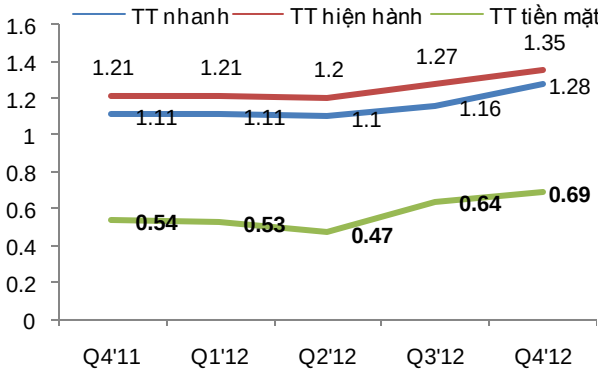
Nguồn: PVS

Đòn bẩy tài chính PVS qua các năm (2009-12)

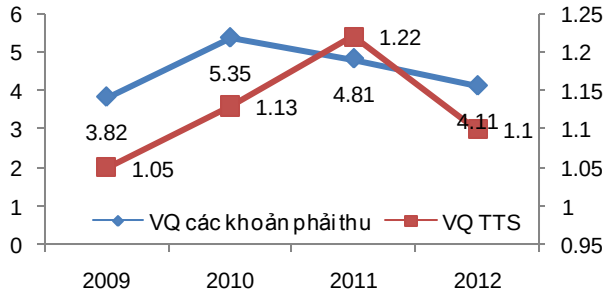


Nguồn: PVS

Khả năng thanh khoản PVS



Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động PVS(2009-12)



Nguồn: PVS

Tài sản ngắn hạn chiếm gần 60% tổng tài sản trong đó chủ yếu là các khoản mục có tính thanh khoản cao

Tài sản ngắn hạn tính đến hết năm 2012 của PVS đạt trên 12 nghìn tỷ, chiếm gần 57% tổng tài sản và chủ yếu tập trung vào 2 khoản mục chính là tiền và tương đương tiền, và các khoản phải thu khác. Hai khoản mục này có giá trị gần tương đương nhau và tổng cộng chiếm tới 93% giá trị tài sản ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản dài hạn được cấu thành chủ yếu từ tài sản cố định (phương tiện vận chuyển và nhà cửa kiến trúc chiếm phần lớn giá trị). Các tài sản này được khấu hao theo phương thức khấu hao thẳng và đã khấu hao hết được 1/3 giá trị.

Đòn bẩy tài chính tương đối ổn định và có xu hướng giảm dần.

Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản ổn định ở mức 0,65-0,8x trong 4 năm gần nhất, tuy nhiên xu hướng chung của chỉ tiêu đòn bẩy này là giảm dần. Nguyên nhân là PVS chủ trương trả dần các khoản vay dài hạn đến kỳ hạn thanh toán trong khi hạn chế vay thêm khoản mới nào. Tổng các khoản vay chịu lãi đạt khoảng 4.596 tỷ đồng, trong đó vay dài hạn đạt 3.347 tỷ, chiếm 73% tổng các khoản vay chịu lãi, và tương đương 61% vốn chủ sở hữu. Khoản vay dài hạn này có thời hạn từ 2-5 năm, bao gồm 1.356 tỷ đồng vay các ngân hàng thương mại bằng VND với lãi suất dao động từ 4,1%/năm đến 13,65%/năm. Trên 3.000 tỷ còn lại vay bằng USD với lãi suất từ 1,7%-5,65%.

Khả năng thanh khoản cao và luôn duy trì ổn định

Tỷ lệ khả năng thanh toán ngắn hạn của PVS không có nhiều biến động trong năm và luôn duy trì mức thanh khoản cao. Tỷ lệ thanh toán nhanh luôn ở mức trên 1.1x nhờ giá trị tài sản ngắn hạn, đặc biệt là các khoản mục có tính thanh khoản cao có tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu tổng tài sản. Tỷ lệ thanh toán tiền mặt có xu hướng tăng lên vào 2 quý cuối năm.

Hiệu quả hoạt động PVS có xu hướng giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức ổn định trong 4 năm qua

Vòng quay tổng tài sản dao động ở mức 1-1,2x trong vòng 4 năm qua. Chỉ tiêu này đạt 1,1x trong năm 2012, giảm nhẹ so với mức 1,22x năm trước đó. Nguyên nhân chính là doanh thu năm 2012 không có nhiều cải thiện trong khi mức bình quân tổng tài sản trong năm 2012 tăng khoảng 9% so với mức bình quân năm 2011. Tỷ lệ vòng quay các khoản phải thu giảm nhẹ so với năm trước, đạt 4,11x do bình quân các khoản phải thu

trong năm 2012 tăng hơn 20% so với bình quân năm 2011. Do vậy, mức tăng trưởng doanh thu cao từ năm 2011 và năm 2012 trên 40% so với mức doanh thu năm 2010 kéo theo tăng trưởng cao các khoản phải thu từ khác hàng nên chất lượng doanh thu bị giảm.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BC Lãi/(Lỗ) (triệu đồng)	2012	2011	2010	2009
Doanh thu thuần	24.590.714	24.312.067	16.879.605	10.679.746
Lợi nhuận gộp	1.711.017	1.961.758	1.168.113	1.013.578
Thu nhập tài chính	424.861	618.291	500.296	336.128
Chi phí tài chính	384.144	1.024.585	521.997	327.803
Lợi nhuận thuần HĐKD	1.105.056	842.383	746.492	640.716
Lợi nhuận trước thuế	1.751.977	1.833.244	1.132.884	726.233
Thuế TNDN	531.214	433.186	158.555	173.981
Lợi nhuận sau thuế	1.262.597	1.442.097	926.391	574.085
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	1.118.433	1.418.798	920.635	576.914
Bảng CĐKT (triệu đồng)	**31/12/2012**	**31/12/2011**	**31/12/2010**	**31/12/2009**
Tiền & tương đương tiền	5.709.908	6.082.192	2.786.042	1.977.139
Đầu tư TC ngắn hạn	164.164	80.000	5.600	3.900
Phải thu ngắn hạn	5.461.425	6.495.746	3.554.519	2.749.691
Hàng tồn kho	578.670	1.129.396	445.819	436.011
Tài sản ngắn hạn khác	122.595	361.137	116.227	91.201
Phải thu dài hạn	155	159	-	185
Tài sản cố định & XDCB	6.247.450	6.455.868	8.370.398	5.664.350
Lợi thế thương mại	-	-	18.487	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	2.384.198	2.342.420	1.699.791	1.447.596
Tài sản dài hạn khác	554.425	599.578	516.317	1.447.596
TỔNG TÀI SẢN	**21.222.993**	**23.546.596**	**17.413.200**	**12.400.542**
Nợ ngắn hạn	9.506.045	12.178.763	8.207.660	5.170.623
Nợ dài hạn	3.840.447	4.505.416	5.570.642	3.604.558
Vốn chủ sở hữu	6.245.953	5.913.548	3.525.378	3.520.180
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.630.547	948.769	209.520	105.181
TỔNG NGUỒN VỐN	**21.222.993**	**23.546.596**	**17.413.200**	**12.400.542**
Chỉ số tài chính	**2012**	**2011**	**2010**	**2009**
Tăng trưởng				
DT thuần (%)	1,14%	44,38%	58,05%	23,16%
LN thuần (%)	-12,45%	58,89%	61,37%	6,86%
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ (%)	-21%	54%	60%	7%
Vốn CSH (%)	5,62%	67,81%	0,15%	51,36%
Tổng tài sản (%)	-9,87%	43,71%	41,23%	55,35%
LN gộp biên (%)	6,96%	8,07%	6,92%	9,49%
LN thuần biên (%)	5,13%	5,93%	5,49%	5,38%
ROA (%)	5%	7%	6,16%	5,66%
ROE (%)	18,40%	30,02%	26,13%	19,74%
EPS cơ bản(VND)	3.756	4.973	4.658	3.319
Thanh toán hiện hành (x)	1,27	1,16	0,84	1,02
Tổng vay chịu lãi/VCSH (x)	0,61	0,76	1,58	0,51
Tổng nợ/vốn CSH (x)	2,14	2,82	3,91	2,49

Ghi chú:

- Các khoản mục tại bảng cân đối kế toán và báo cáo hoạt động kinh doanh được lấy từ báo cáo đã được kiểm toán của Tổng công ty và để dưới đơn vị triệu đồng.

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTS đang nắm giữ 7 cổ phiếu PVS lẻ và chuyên viên phân tích FPTS không nắm giữ bất kì cổ phiếu nào của doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cố phiếu này có thể được xem tại http://ezsearch.fpts.com.vn hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2013 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính

Tầng 2, Tòa nhà Spring Garden
71 phố Nguyễn Chí Thanh
Quận Ba Đình
Hà Nội
Việt Nam
ĐT: (84-4) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84-4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh TP HCM

31 Nguyễn Công Trứ
Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
ĐT: (84-8) 6 290 8686
Fax: (84-8) 6291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Đà Nẵng

124 Nguyễn Thị Minh KHai
Quận Hải Châu
Đà Nẵng
Việt Nam

ĐT: (84-511) 3553 666
Fax: (84-511) 3553 888